

Số: 677/QĐ-UBND

Mỹ Hào, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030
và điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MỸ HÀO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 26/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 15/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường Mỹ Hào về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 15/12/2025 của Hội đồng nhân dân phường Mỹ Hào về Kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND phường Mỹ Hào về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026;

Căn cứ Kết luận số 80-KL/ĐU ngày 20/3/2026 của Đảng ủy phường Mỹ Hào về chủ trương kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 và điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 26/3/2025 của Hội đồng nhân dân phường về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 131/TTr-KT,HT&ĐT ngày 31/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2026, với nội dung như sau:

I. Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

- Tổng số nguồn vốn là: 2.874.350 triệu đồng, trong đó:
- + Nguồn vốn ngân sách tỉnh là: 891.000 triệu đồng;
- + Nguồn vốn ngân sách xã, phường là: 1.983.350 triệu đồng. (gồm: nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ 33.350 triệu đồng, nguồn thu từ tiền sử dụng đất 1.950.000 triệu đồng)

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

II. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công 2026.

1. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 trước khi điều chỉnh, bổ sung là: 876.721 triệu đồng, (bao gồm: Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 18.000 triệu đồng; Nguồn ngân sách phường: 858.721 triệu đồng). Trong đó:

- **Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026:** 120.453 triệu đồng.

+ Ngân sách tỉnh là 18.000 triệu đồng;

+ Ngân sách phường là: 102.453 triệu đồng.

- **Dự kiến danh mục đầu tư năm 2026:** 756.268 triệu đồng bố trí nguồn vốn ngân sách phường.

2. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 sau khi điều chỉnh. Tổng số kế hoạch vốn 953 tỷ 643 triệu đồng, (bao gồm: Nguồn ngân sách tỉnh là 18.000 triệu đồng; Nguồn ngân sách phường là 935.643 triệu đồng. *(nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ là 30.350 triệu đồng và nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách phường là 905.293 triệu đồng).* Trong đó:

- **Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026:** 193.836 triệu đồng.

+ Ngân sách tỉnh là 18.000 triệu đồng;

+ Ngân sách phường là: 175.836 triệu đồng *(gồm: Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ 20.300 triệu đồng; Nguồn thu tiền sử dụng đất 155.536 triệu đồng)*

- **Dự kiến danh mục đầu tư năm 2026:** 759.807 triệu đồng.

+ Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 10.050 triệu đồng;

+ Nguồn vốn ngân sách phường: 749.757 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định hiện hành của Nhà nước; tích cực đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và chịu trách nhiệm giải ngân toàn bộ số vốn được giao theo kế hoạch. Định kỳ hàng tháng, quý và cả năm, báo cáo Ủy ban nhân dân phường và Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch vốn được giao.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường căn cứ kế hoạch đầu tư công năm 2026 điều chỉnh tại Điều 1 của Quyết định này, có trách nhiệm tổ chức thực hiện, đồng thời chủ động rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn trung hạn và hàng năm đối với các dự án do Ban làm chủ đầu tư, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư công.

3. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp các nội dung, số liệu, báo cáo từ các chủ đầu tư, tham mưu và đề xuất Ủy ban nhân dân phường trong việc triển khai, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2026, đảm bảo đúng mục tiêu, tiến độ và hiệu quả sử dụng nguồn vốn được giao.



- Như Điều 3;
- TT HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Lưu: VT. *scfb*

Nguyễn Minh Tuấn



PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH, DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số 677/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 của UBND phường Mỹ Hào)

Đơn vị: triệu đồng

ST T	Tên dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn 2026-2030					Ghi chú
		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	NS phường			
							Tổng số	Nguồn NST hỗ trợ	Nguồn thu tiền SD đất	
	TỔNG SỐ (A+B+ C)	3.146.751	1.181.080	1.965.671	2.874.350	891.000	1.983.350	33.350	1.950.000	
A	DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHUYỂN SANG	341.118	32.080	309.038	134.555	18.000	116.555	20.300	96.255	
I	DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH BỔ SUNG KHV	122.906	-	122.906	17.547	-	17.547	-	17.547	
1	Xây dựng Nhà văn hóa tổ dân phố Yên Tập - phường Nhân Hòa	13.817	-	13.817	703	-	703	-	703	
2	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và nhà lớp học 3 tầng 3 phòng trường Tiểu học Nhân Hoà	14.512	-	14.512	2.450	-	2.450	-	2.450	
3	Cải tạo, nâng cấp đường quy hoạch khu tái định cư phường Nhân Hoà	3.054	-	3.054	2.142	-	2.142	-	2.142	
4	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường TDP Nguyễn Xá	9.119	-	9.119	3.279	-	3.279	-	3.279	
5	Nhà Văn hoá TDP Yên Tập, Hạng mục: Nhà vệ sinh ngoài trời	395	-	395	395	-	395	-	395	
6	Cải tạo, nâng cấp các ngõ phố Đoàn Kết	7.176	-	7.176	1.913	-	1.913	-	1.913	
7	Cải tạo, nâng cấp đường chợ Bao Bi đoạn từ đường Đỗ Thế Diên đến đầu dốc, phường Nhân Hoà	2.130	-	2.130	600	-	600	-	600	
8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Yên Tập đoạn từ trục 380 đến nhà ông Pháo	8.134	-	8.134	1.459	-	1.459	-	1.459	
9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông ngõ nhà ông Đoạt và ngõ nhà ông Tân TDP Lỗ Xá	2.739	-	2.739	686	-	686	-	686	
10	Nhà văn hóa thôn Bùi-xã Cẩm Xá	3.000	-	3.000	396	-	396	-	396	
11	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Cẩm quan	1.065	-	1.065	125	-	125	-	125	
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Nghĩa trang TDP Nguyễn Xá qua Nghĩa trang TDP An Tháp - phường Nhân Hòa	16.934	-	16.934	2.078	-	2.078	-	2.078	
13	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Xá từ Đình đến nhà ông Hưng và các ngõ	7.481	-	7.481	975	-	975	-	975	
14	Di chuyển đường dây 0.4KV và lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng thôn Cẩm Quan	2.000	-	2.000	21	-	21	-	21	
15	Xây dựng kè ao dải thôn cẩm quan	4.500	-	4.500	48	-	48	-	48	
16	Cải tạo đường GTNT xã Cẩm xá Đoạn từ nhà Ông Hạnh đến nhà Ông Quyền Thôn Cẩm Quan	8.191	-	8.191	68	-	68	-	68	
17	Xây dựng cầu tiên xá, xã Cẩm xá	14.950	-	14.950	103	-	103	-	103	
18	Cải tạo, nâng cấp công tường rào, sân bê tông, lán xe Trường tiểu học Cẩm Xá	3.709	-	3.709	105	-	105	-	105	
II	DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP	218.212	32.080	186.132	117.008	18.000	99.008	20.300	78.708	
1	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông ngõ xóm trai, TDP An Tháp	8.600	-	8.600	5.508	-	5.508	-	5.508	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông TDP Lỗ Xá (ngõ 8, ngõ 44 và ngõ 72 phố Đoàn Kết)	15.914	-	15.914	12.398	-	12.398	2.000	10.398	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông TDP Lỗ Xá (ngõ 66 phố Đoàn Kết đi kênh Trung thủy nông)	19.379	-	19.379	8.573	-	8.573	5.000	3.573	
4	Xây dựng khối nhà các phòng chức năng kết hợp hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ- trường tiểu học	14.867	-	14.867	9.500	-	9.500	6.946	2.554	
5	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Cẩm Sơn	1.714	-	1.714	681	-	681	-	681	
6	Nâng cấp, cải tạo đường GT đoạn từ trạm bơm tiên xá 3 đến DH30	7.800	3.000	4.800	4.242	-	4.242	-	4.242	
7	Nâng cấp, cải tạo ao Đình Cẩm Sơn, thôn Cẩm Sơn, xã Cẩm Xá, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	4.172	-	4.172	3.403	-	3.403	-	3.403	

ST T	Tên dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn 2026-2030					Ghi chú
		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	NS phường			
							Tổng số	Nguồn NST hỗ trợ	Nguồn thu tiền SD đất	
8	Cải tạo, nâng cấp hồ và khuôn viên quanh hồ nước Nhà văn hoá thôn Cẩm Quan, xã Cẩm Xá	4.186	-	4.186	1.870	-	1.870	-	1.870	
9	XD Các tuyến đường GT xã Cẩm xá: Tuyến 1 Trường Mầm non trung tâm xã: Tuyến 2 Chạy ra bãi rác cầu tiền xá 1: Tuyến 3 Đoạn từ cầu sắt thôn Dầu đến cổng Thôn Bùi	10.652	-	10.652	3.775	-	3.775	-	3.775	
10	Hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền SD đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn XD NTM - GD 3	5.661	-	5.661	1.781	-	1.781	-	1.781	
11	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đầu giá quyền sử dụng đất cho Nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại xã Cẩm Xá (vị trí số 02)	35.500	-	35.500	13.873	-	13.873	-	13.873	
12	Xây dựng công trình nhà lớp học 3 tầng 15 phòng học trường THCS xã Cẩm xá	19.578	-	19.578	5.528	-	5.528	3.000	2.528	
13	XD nhà HC một cửa liên thông và các phòng làm việc	22.066	-	22.066	13.113	-	13.113	3.354	9.759	
14	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Cẩm xá đoạn từ kênh đồng đặc (nhà ông Hàm cầm quan đến nhà ông Hàn thôn Cẩm sơn)	1.847	900	947	939	-	939	-	939	
15	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn cẩm sơn và tiền xá 1 xã Cẩm xá	2.532	900	1.632	1.621	-	1.621	-	1.621	
16	Cải tạo, chỉnh trang hồ thôn bụi, xã Cẩm Xá	7.268	3.280	3.988	2.696	-	2.696	-	2.696	
17	Trụ sở làm việc công an xã Cẩm xá	14.227	6.000	8.227	6.851	-	6.851	-	6.851	
18	Cải tạo, nâng cấp đường và rãnh thoát nước từ nhà ông xây đến nhà bà Hường, bà Oanh thôn Cẩm Quan	1.550	-	1.550	1.456	-	1.456	-	1.456	
19	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Xá (tuyến 1 từ cầu mương đến cầu sông, tuyến 2 từ nhà văn hóa thôn Tiên Xá 1 đến đường trục xã)	20.700	18.000	2.700	19.200	18.000	1.200	-	1.200	
		-	-	-	-	-	-	-	-	
B	DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2026-2030	2.805.633	1.149.000	1.656.633	2.558.133	873.000	1.685.133	13.050	1.672.083	
I	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI	401.025	276.000	125.025	231.025	-	231.025	10.050	220.975	
1	Cải tạo, chỉnh trang hồ trung tâm và các tuyến đường TDP An Tháp, phường Nhân Hòa	12.475	-	12.475	12.475	-	12.475	-	12.475	
2	Xây dựng kè ao Đình Tròn thôn Cẩm Quan xã Cẩm Xá	3.500	-	3.500	3.500	-	3.500	-	3.500	
3	Xây dựng đường và kè trung thủy nông Nhân Hòa, kênh trạm bơm Phú Hữu từ tổ dân phố Lỗ Xá (phường Nhân Hòa) đến trục quy hoạch Bắc Nam (xã Cẩm Xá), thị xã Mỹ Hào	276.000	276.000	-	106.000	-	106.000	-	106.000	
4	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế Bản Yên Nhân	6.500	-	6.500	6.500	-	6.500	-	6.500	
5	Trùng tu, tôn tạo Đình tổ dân phố Lỗ Xá	36.000	-	36.000	36.000	-	36.000	-	36.000	
6	Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích Đình Bản	10.000	-	10.000	10.000	-	10.000	-	10.000	
7	Cải tạo Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường	18.000	-	18.000	18.000	-	18.000	-	18.000	
8	Xây dựng cống thoát thoát nước và đường gom trục Kinh tế Bắc Nam giáp khu nhà ở Nhân Hòa phường Mỹ Hào	20.000	-	20.000	20.000	-	20.000	-	20.000	
9	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông khu dân cư và đường nội đồng khu đồng Cửa TDP Cẩm Sơn, phường Mỹ Hào	1.250	-	1.250	1.250	-	1.250	900	350	
10	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông khu dân cư và đường nội đồng khu đồng Cà TDP Cẩm Sơn, phường Mỹ Hào	2.000	-	2.000	2.000	-	2.000	900	1.100	
11	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông khu dân cư và nội đồng khu vực đồng Cộc TDP Cẩm Sơn, phường Mỹ Hào	1.300	-	1.300	1.300	-	1.300	900	400	

ST T	Tên dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn 2026-2030					Ghi chú
		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	NS phường			
							Tổng số	Nguồn NST hỗ trợ	Nguồn thu tiền SD đất	
12	Sửa chữa cửa và cải tạo sân chơi đẳng sau trường Tiểu học Cẩm Xá, phường Mỹ Hào	1.300	-	1.300	1.300	-	1.300	1.000	300	
13	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục phụ trợ nhà hiệu bộ trường THCS Cẩm Xá, phường Mỹ Hào	1.350	-	1.350	1.350	-	1.350	950	400	
14	Cải tạo, sửa chữa đường trục Xóm Trại tổ dân phố Cẩm Quan, phường Mỹ Hào	2.000	-	2.000	2.000	-	2.000	900	1.100	
15	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông từ nhà ông Cát đến nhà ông Trại tổ dân phố Cẩm Quan, phường Mỹ Hào	2.400	-	2.400	2.400	-	2.400	900	1.500	
16	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường phía Đông xóm 3 tổ dân phố Nghĩa Trang, phường Mỹ Hào	1.500	-	1.500	1.500	-	1.500	900	600	
17	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Xóm 4 tổ dân phố Nghĩa Trang, phường Mỹ Hào	2.200	-	2.200	2.200	-	2.200	900	1.300	
18	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường khu cửa Đình, tổ dân phố Nghĩa Trang, phường Mỹ Hào	2.200	-	2.200	2.200	-	2.200	900	1.300	
19	Cải tạo, nâng cấp mương tiêu thoát nước từ trạm bơm Tiên Xá 1 đến kênh C9, phường Mỹ Hào	1.050	-	1.050	1.050	-	1.050	900	150	
20		-								
II	DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ 2026-2030	2.404.608	873.000	1.531.608	2.327.108	873.000	1.454.108	3.000	1.451.108	
1	NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ	1.516.500	873.000	643.500	1.436.000	873.000	563.000	-	563.000	
1.1	NGÀNH, LĨNH VỰC GIAO THÔNG - THỦY LỢI	962.500	577.500	385.000	882.000	577.500	304.500	-	304.500	
a)	Dự án khởi công mới	962.500	577.500	385.000	882.000	577.500	304.500	-	304.500	
1	xây dựng đường quy hoạch trục chữ Y đoạn từ đường ĐH.33 đến đường Tô Hiệu (giai đoạn 1)	155.000	110.000	45.000	155.000	110.000	45.000	-	45.000	
2	xây dựng đường quy hoạch trục chữ Y đoạn từ đường Tô Hiệu đến trục quy hoạch Bắc Nam (giai đoạn 1)	125.000	90.000	35.000	125.000	90.000	35.000	-	35.000	
3	Cải tạo chính trang hệ thống thoát nước khu vực trung tâm phường Mỹ Hào	50.000	40.000	10.000	50.000	40.000	10.000	-	10.000	
4	Trang trí chiếu sáng, cây xanh khu vực trung tâm phường Mỹ Hào	50.000	45.000	5.000	50.000	45.000	5.000	-	5.000	
5	Công trình xử lý nước khu dân cư cũ trên địa bàn phường Mỹ Hào (giai đoạn 1)	150.000	110.000	40.000	150.000	110.000	40.000	-	40.000	
6	Xây dựng đường và kè sông Bần - Vũ Xá, đoạn qua tổ dân phố Cộng Hòa, phố Bần phường Mỹ Hào	432.500	182.500	250.000	352.000	182.500	169.500	-	169.500	
1.2	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	179.000	145.500	33.500	179.000	145.500	33.500	-	33.500	
a)	Dự án khởi công mới	179.000	145.500	33.500	179.000	145.500	33.500	-	33.500	
1	Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Nhân Hòa	19.500	15.000	4.500	19.500	15.000	4.500	-	4.500	
2	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng trường THCS Nhân Hòa	22.000	22.000	-	22.000	22.000	-	-	-	
3	Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Nhân Hòa	19.500	15.000	4.500	19.500	15.000	4.500	-	4.500	
4	Xây dựng Nhà lớp học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Cẩm Xá	12.500	12.500	-	12.500	12.500	-	-	-	
5	Nhà lớp học 3 tầng 16 phòng học Trường THCS Cẩm Xá	23.500	15.000	8.500	23.500	15.000	8.500	-	8.500	
6	Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Cẩm Xá	19.500	15.000	4.500	19.500	15.000	4.500	-	4.500	
7	Các hạng mục phụ trợ Trường THCS Cẩm Xá	6.000	6.000	-	6.000	6.000	-	-	-	
8	Nhà bếp ăn bán trú và một số hạng mục phụ trợ (khởi Tiểu học) Trường Tiểu học và THCS Phan Đình Phùng	8.000	8.000	-	8.000	8.000	-	-	-	
9	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng học (khởi THCS) Trường Tiểu học và THCS Phan Đình Phùng	26.500	20.000	6.500	26.500	20.000	6.500	-	6.500	

ST T	Tên dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn 2026-2030					Ghi chú
		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	NS phường			
							Tổng số	Nguồn NST hỗ trợ	Nguồn thu tiền SD đất	
10	Nhà hiệu bộ, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ (khởi THCS) Trường Tiểu học và THCS Phan Đình Phùng	22.000	17.000	5.000	22.000	17.000	5.000	-	5.000	
1.3	LĨNH VỰC Y TẾ - VĂN HÓA XÃ HỘI	25.000	20.000	5.000	25.000	20.000	5.000	-	5.000	
a)	Dự án khởi công mới	25.000	20.000	5.000	25.000	20.000	5.000	-	5.000	
1	Cải tạo, sửa chữa các Trạm Y tế trên địa bàn phường Mỹ Hào	15.000	10.000	5.000	15.000	10.000	5.000	-	5.000	
2	Trùng tu, tôn tạo Đình tổ dân phố Lỗ Xá	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Trùng tu, tôn tạo Nghè Tiên Xá 1	10.000	10.000	-	10.000	10.000	-	-	-	
4	Cải tạo Minh Đường Đình Bản	-	-	-	-	-	-	-	-	
1.4	LĨNH VỰC CẤP THOÁT NƯỚC, HẠ TẦNG KỸ THUẬT	350.000	130.000	220.000	350.000	130.000	220.000	-	220.000	
a)	Dự án khởi công mới	350.000	130.000	220.000	350.000	130.000	220.000	-	220.000	
1	Công trình xử lý thoát nước thải khu dân cư cũ trên địa bàn phường Mỹ Hào (giai đoạn 1)	150.000	50.000	100.000	150.000	50.000	100.000	-	100.000	
2	Xây dựng khu công viên cây xanh phường Mỹ Hào	150.000	60.000	90.000	150.000	60.000	90.000	-	90.000	
3	Trang trí chiếu sáng, cây xanh khu vực trung tâm phường Mỹ Hào	50.000	20.000	30.000	50.000	20.000	30.000	-	30.000	
4	Xây dựng cống thoát thoát nước và đường gom trục Kinh tế Bắc Nam giáp khu nhà ở Nhân Hòa phường Mỹ Hào	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	NGUỒN NGÂN SÁCH PHƯỜNG	891.108	3.000	888.108	891.108	-	891.108	3.000	888.108	
2.2	QUY HOẠCH	-	-	-	-	-	-	-	-	
a)	Dự án khởi công mới	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Khảo sát, lập quy hoạch tổng mặt bằng, cắm mốc quản lý khu vực đất công trên địa bàn phường	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.3	NGÀNH, LĨNH VỰC GIAO THÔNG - THỦY LỢI	507.128	-	507.128	507.128	-	507.128	-	507.128	
a)	Dự án khởi công mới	507.128	-	507.128	507.128	-	507.128	-	507.128	
1	Cải tạo, nâng cấp đường Vương Đình Cung đoạn từ ĐT.380 đến đường trục Kinh tế Bắc Nam	81.405	-	81.405	81.405	-	81.405	-	81.405	
2	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường Đỗ Thế Diên, đoạn từ ĐT.380 đến hết trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên	19.900	-	19.900	19.900	-	19.900	-	19.900	
3	Xây dựng đường gom, vỉa hè tuyến đường ĐT.380 đoạn từ tổ dân phố Yên Tập đến hết địa phận phường Mỹ Hào	56.000	-	56.000	56.000	-	56.000	-	56.000	
4	Cải tạo, nâng cấp đường Dương Phúc Tư (DH.33 cũ) đoạn từ sông Bàn Vũ Xá đến tổ dân phố Nghĩa Trang	40.000	-	40.000	40.000	-	40.000	-	40.000	
5	GPMB một số dự án, công trình trên địa bàn	57.723	-	57.723	57.723	-	57.723	-	57.723	
6	Cải tạo, chỉnh trang một số ao hồ; công viên; bãi đỗ xe trên địa bàn	30.000	-	30.000	30.000	-	30.000	-	30.000	
7	Nạo vét, xây tường rào quản lý một số ao hồ trên địa bàn phường	10.000	-	10.000	10.000	-	10.000	-	10.000	
8	Cải tạo hệ thống thoát nước một số tổ dân phố phường Mỹ Hào	4.500	-	4.500	4.500	-	4.500	-	4.500	
9	Xây dựng khu vực đất công: Hồ nước, công viên, bãi đỗ xe	50.000	-	50.000	50.000	-	50.000	-	50.000	
10	Xây dựng đèn tín hiệu, nâng cao năng lực ATGT trên địa bàn phường	3.500	-	3.500	3.500	-	3.500	-	3.500	
11	Cải tạo nâng cấp các tuyến đường một số tổ dân phố trên địa bàn	10.000	-	10.000	10.000	-	10.000	-	10.000	
12	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Yên Tập đoạn nhà ông Pháo đến nhà ông Thường	-	-	-	-	-	-	-	-	
13	Cải tạo hệ thống thoát nước khu dân cư tổ dân phố Bùi, Dâu	3.000	-	3.000	3.000	-	3.000	-	3.000	
14	Cải tạo hệ thống thoát nước khu dân cư tổ dân phố Cẩm Quan; Cẩm sơn	4.500	-	4.500	4.500	-	4.500	-	4.500	
15	Cải tạo hệ thống thoát nước khu dân cư tổ dân phố Yên Xá, Kim Huy	2.400	-	2.400	2.400	-	2.400	-	2.400	

ST T	Tên dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn 2026-2030					Ghi chú
		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	NS phường			
							Tổng số	Nguồn NST hỗ trợ	Nguồn thu tiền SD đất	
16	Cải tạo hệ thống thoát nước tổ dân phố Tiên Xá 1, Tiên Xá 2, Tiên Xá 3	3.500	-	3.500	3.500	-	3.500	-	3.500	
17	Cải tạo hệ thống thoát nước tổ dân phố Nghĩa Trang, Ngọc Tri	3.500	-	3.500	3.500	-	3.500	-	3.500	
18	Xây dựng tuyến đường trong khu đô thị Phố Mới	25.000	-	25.000	25.000	-	25.000	-	25.000	
19	Cải tạo nâng cấp đường tổ dân phố Yên Tập đoạn từ ngã tư Nhà văn hóa kết nối đường phía Bắc trận địa tên lửa	15.000	-	15.000	15.000	-	15.000	-	15.000	
20	Cải tạo nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Yên Tập, phường Nhân Hoà đoạn từ nhà ông Bấy đến nhà bà Sáu	-	-	-	-	-	-	-	-	
21	xây dựng đường dọc kênh C9 đoạn từ tổ dân phố Quan Cù kết nối Trục quy hoạch Bắc-Nam	80.000	-	80.000	80.000	-	80.000	-	80.000	
18	Cải tạo, sửa chữa hệ thống chiếu sáng một số tuyến đường trên địa bàn phường	2.400	-	2.400	2.400	-	2.400	-	2.400	
19	Nạo vét, sửa chữa một số tuyến thoát nước khu trung tâm phường Mỹ Hào	2.400	-	2.400	2.400	-	2.400	-	2.400	
20	Sửa chữa, nạo vét hệ thống thoát nước một số tổ dân phố trên địa bàn phường (Cầm Sơn, Nhuận trạch, Kim Huy, Quan Cù)	2.400	-	2.400	2.400	-	2.400	-	2.400	
1.2	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	215.700	-	215.700	215.700	-	215.700	3.000	212.700	
a)	Dự án khởi công mới	215.700	-	215.700	215.700	-	215.700	3.000	212.700	
1	Xây dựng Nhà lớp học, nhà đa năng và công trình phụ trợ trường THCS trọng điểm Lê Hữu Trác	45.500	-	45.500	45.500	-	45.500	-	45.500	
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND phường Nhân Hòa cũ phục vụ hoạt động trường Mầm non Nhân Hòa	15.000	-	15.000	15.000	-	15.000	-	15.000	
3	Xây dựng khối hiệu bộ, nhà đa năng, nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Cầm Xá	40.000	-	40.000	40.000	-	40.000	-	40.000	
4	Xây mới nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, sửa chữa Trụ sở UBND phường cũ thành nhà lớp học và một số hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Phan Đình Phùng	20.000	-	20.000	20.000	-	20.000	-	20.000	
5	Xây dựng nhà lớp học, và phòng chức năng trường tiểu học Bản Yên Nhân 1, cải tạo một số hạng mục trường mầm non Bản Yên Nhân	36.200	-	36.200	36.200	-	36.200	-	36.200	
6	Xây dựng nhà lớp học trường Tiểu học và THCS Bản Yên Nhân	36.000	-	36.000	36.000	-	36.000	-	36.000	
9	Sửa chữa bảo dưỡng nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học Bản Yên Nhân 1, phường Mỹ Hào	1.000	-	1.000	1.000	-	1.000	1.000	-	
10	Sửa chữa bảo dưỡng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng trường Mầm non Nhân Hòa, phường Mỹ Hào	1.000	-	1.000	1.000	-	1.000	1.000	-	
11	Sửa chữa bảo dưỡng nhà lớp học 3 tầng 15 phòng trường THCS Nhân Hòa, phường Mỹ Hào	1.000	-	1.000	1.000	-	1.000	1.000	-	
7	Xây dựng trường THCS Bản Yên Nhân (phân kì đầu tư)	20.000	-	20.000	20.000	-	20.000	-	20.000	
2.3	LĨNH VỰC XÂY DỰNG DÂN DỰNG	118.280	-	118.280	118.280	-	118.280	-	118.280	
a)	Dự án khởi công mới	118.280	-	118.280	118.280	-	118.280	-	118.280	
1	Cải tạo trụ sở Công an phường	8.000	-	8.000	8.000	-	8.000	-	8.000	
2	Lắp đặt bổ sung Camera trên địa bàn	1.500	-	1.500	1.500	-	1.500	-	1.500	
3	Xây dựng công trình biểu tượng cửa ngõ Mỹ Hào	9.500	-	9.500	9.500	-	9.500	-	9.500	
4	Cải tạo Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường	-	-	-	-	-	-	-	-	
5	Cải tạo một số nhà văn hóa trên địa bàn phường	4.400	-	4.400	4.400	-	4.400	-	4.400	
6	Trường mầm non phường Bản Yên Nhân (điểm trường Phố Mới)	33.700	-	33.700	33.700	-	33.700	-	33.700	

ST T	Tên dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn 2026-2030					Ghi chú
		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	NS phường			
							Tổng số	Nguồn NST hỗ trợ	Nguồn thu tiền SD đất	
7	Nhà lớp học kết hợp một số phòng chức năng Trường tiểu học Nhân Hoà	14.980	-	14.980	14.980	-	14.980	-	14.980	
8	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học kết hợp một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Nhân Hoà	19.800	-	19.800	19.800	-	19.800	-	19.800	
9	Xây dựng một số hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Nhân Hòa	19.500	-	19.500	19.500	-	19.500	-	19.500	
21	Sửa chữa một số hạng mục phụ trợ các nhà văn hóa trên địa bàn phường Bần Yên Nhân cũ (đơn vị trước sắp xếp đơn vị hành chính)	1.500	-	1.500	1.500	-	1.500	-	1.500	
22	Sửa chữa một số hạng mục phụ trợ các nhà văn hóa trên địa bàn phường Nhân Hòa cũ (đơn vị trước sắp xếp đơn vị hành chính)	1.200	-	1.200	1.200	-	1.200	-	1.200	
23	Sửa chữa một số hạng mục phụ trợ các nhà văn hóa trên địa bàn xã Cẩm Xá cũ (đơn vị trước sắp xếp đơn vị hành chính)	2.100	-	2.100	2.100	-	2.100	-	2.100	
24	Sửa chữa một số hạng mục phụ trợ các nhà văn hóa trên địa bàn phường Phan Đình Phùng cũ (đơn vị trước sắp xếp đơn vị hành chính)	2.100	-	2.100	2.100	-	2.100	-	2.100	
2.3	LĨNH VỰC CHUYỂN ĐỔI SỐ	50.000	-	50.000	50.000	-	50.000	-	50.000	
C	DỰ PHÒNG		-	-	181.662	-	181.662	-	181.662	

Ghi chú: Sử dụng nguồn Dự phòng đảm bảo theo Luật định, trong đó ưu tiên bố trí vốn đầu tư hạ tầng chuyển đổi số

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VÀ DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 677/QĐ-HĐND ngày 31/3/2026 của UBND phường Mỹ Hòa)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn 2026			Điều chỉnh TMDT		Điều chỉnh KHV				Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh			Kế hoạch vốn 2026 sau điều chỉnh					Ghi chú
		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	NS phường	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	NS tỉnh hỗ trợ		NS phường		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	Ngân sách phường			
										Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm						Cộng	Nguồn ns tỉnh hỗ trợ	Nguồn SD đất	
	TỔNG SỐ	1.403.886	308.080	1.095.806	876.721	18.000	858.721	199.550	139.885	30.350	-	238.538	191.966	1.463.551	308.080	1.155.471	953.643	18.000	935.643	30.350	905.293	
A	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026	636.618	308.080	328.538	120.453	18.000	102.453	-	7.025	20.300	-	71.463	18.379	629.593	308.080	321.513	193.836	18.000	175.836	20.300	155.536	
I	DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHUYÊN SANG	341.118	32.080	309.038	100.953	18.000	82.953	-	-	20.300	-	21.463	11.354	341.118	32.080	309.038	131.361	18.000	113.361	20.300	93.061	
1	Dự án hoàn thành bổ sung kế hoạch vốn	122.906	-	122.906	-	-	-	-	-	-	-	17.547	-	122.906	-	122.906	17.547	-	17.547	-	17.547	
1.1	Xây dựng Nhà văn hóa tổ dân phố Yên Tập - phường Nhân Hòa	13.817		13.817								703		13.817		13.817	703	-	703		703	
1.2	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và nhà lớp học 3 tầng 3 phòng trường Tiểu học Nhân Hoà	14.512		14.512								2.450		14.512		14.512	2.450	-	2.450		2.450	
1.3	Cải tạo, nâng cấp đường quy hoạch khu tái định cư phường Nhân Hoà	3.054		3.054								2.142		3.054		3.054	2.142	-	2.142		2.142	
1.4	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường TDP Nguyễn Xá	9.119		9.119								3.279		9.119		9.119	3.279	-	3.279		3.279	
1.5	Nhà Văn hoá TDP Yên Tập, Hạng mục: Nhà vệ sinh ngoài trời	395		395								395		395		395	395	-	395		395	
1.6	Cải tạo, nâng cấp các ngõ phố Đoàn Kết	7.176		7.176								1.913		7.176		7.176	1.913	-	1.913		1.913	
1.7	Cải tạo, nâng cấp đường chợ Bao Bi đoạn từ đường Đỗ Thế Diên đến đầu dốc, phường Nhân Hoà	2.130		2.130								600		2.130		2.130	600	-	600		600	
1.8	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Yên Tập đoạn từ trục 380 đến nhà ông Pháo	8.134		8.134								1.459		8.134		8.134	1.459	-	1.459		1.459	
1.9	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông ngõ nhà ông Đoạt và ngõ nhà ông Tân TDP Lỗ Xá	2.739		2.739								686		2.739		2.739	686	-	686		686	
1.10	Nhà văn hóa thôn Bùi-xã Cẩm Xá	3.000		3.000								396		3.000		3.000	396	-	396		396	
1.11	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Cẩm quan	1.065		1.065								125		1.065		1.065	125	-	125		125	
1.12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Nghĩa trang TDP Nguyễn Xá qua Nghĩa trang TDP An Tháp - phường Nhân Hòa	16.934		16.934								2.078		16.934		16.934	2.078	-	2.078		2.078	

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn 2026			Điều chỉnh TMDT		Điều chỉnh KHV				Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh			Kế hoạch vốn 2026 sau điều chỉnh					Ghi chú
		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	NS phường	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	NS tỉnh hỗ trợ		NS phường		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	Ngân sách phường			
										Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm						Cộng	Nguồn ns tỉnh hỗ trợ	Nguồn SD đất	
1.13	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Xá từ Đình đến nhà ông Hưng và các ngõ	7.481		7.481								975		7.481		7.481	975	-	975		975	
1.14	Di chuyển đường dây 0.4KV và lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng thôn Cẩm Quan	2.000		2.000								21		2.000		2.000	21	-	21		21	
1.15	Xây dựng kè ao dài thôn cẩm quan	4.500		4.500								48		4.500		4.500	48	-	48		48	
1.16	Cải tạo đường GTNT xã Cẩm xá Đoạn từ nhà Ông Hạnh đến nhà Ông Quyền Thôn Cẩm Quan	8.191		8.191								68		8.191		8.191	68	-	68		68	
1.17	Xây dựng cầu tiền xá, xã Cẩm xá	14.950		14.950								103		14.950		14.950	103	-	103		103	
1.18	Cải tạo, nâng cấp cổng tường rào, sân bê tông, lán xe Trường tiểu học Cẩm Xá	3.709		3.709								105		3.709		3.709	105	-	105		105	
2	Dự án chuyển tiếp	218.212	32.080	186.132	100.953	18.000	82.953	-	-	20.300	-	3.916	11.354	218.212	32.080	186.132	113.815	18.000	95.815	20.300	75.515	
2.1	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông ngõ xóm trại, TDP An Tháp	8.600		8.600	5.508	-	5.508							8.600		8.600	5.508	-	5.508	-	5.508	
2.2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông TDP Lỗ Xá (ngõ 8, ngõ 44 và ngõ 72 phố Đoàn Kết)	15.914		15.914	6.199	-	6.199			2.000		3.916		15.914		15.914	12.115	-	12.115	2.000	10.115	
2.3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông TDP Lỗ Xá (ngõ 66 phố Đoàn Kết đi kênh Trung thủy nông)	19.379		19.379	8.600	-	8.600			5.000			5.000	19.379		19.379	8.600	-	8.600	5.000	3.600	
2.4	Xây dựng khối nhà các phòng chức năng kết hợp hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ- trường tiểu học	14.867		14.867	2.554	-	2.554			6.946				14.867		14.867	9.500	-	9.500	6.946	2.554	
2.5	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Cẩm Sơn	1.714		1.714	681	-	681							1.714		1.714	681	-	681	-	681	
2.6	Nâng cấp, cải tạo đường GT đoạn từ trạm bơm tiền xá 3 đến DH30	7.800	3.000	4.800	4.242	-	4.242							7.800	3.000	4.800	4.242	-	4.242	-	4.242	
2.7	Nâng cấp, cải tạo ao Đình Cẩm Sơn, thôn Cẩm Sơn, xã Cẩm Xá, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	4.172		4.172	493	-	493							4.172	-	4.172	493	-	493	-	493	
2.8	Cải tạo, nâng cấp hồ và khuôn viên quanh hồ nước Nhà văn hoá thôn Cẩm Quan, xã Cẩm Xá	4.186		4.186	1.870	-	1.870							4.186	-	4.186	1.870	-	1.870	-	1.870	
2.9	XD Các tuyến đường Gt xã Cẩm xá: Tuyến 1 Trường Mầm non trung tâm xã; Tuyến 2 Chạy ra bãi rác cầu tiền xá 1; Tuyến 3 Đoạn từ cầu sắt thôn Dâu đến cổng Thôn Búi	10.652		10.652	3.775	-	3.775							10.652	-	10.652	3.775	-	3.775	-	3.775	

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn 2026			Điều chỉnh TMDT		Điều chỉnh KHV				Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh			Kế hoạch vốn 2026 sau điều chỉnh					Ghi chú
		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	NS phường	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	NS tỉnh hỗ trợ		NS phường		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	Ngân sách phường			
										Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm						Cộng	Nguồn ns tỉnh hỗ trợ	Nguồn SD đất	
2.10	Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền SD đất cho nhân dân làm nhà ở tạo vốn XD NTM - GD 3	5.661		5.661	1.781	-	1.781							5.661	-	5.661	1.781	-	1.781	-	1.781	
2.11	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất cho Nhân dân làm nhà ở, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại xã Cẩm Xá (vị trí số 02)	35.500		35.500	13.873	-	13.873							35.500	-	35.500	13.873	-	13.873	-	13.873	
2.12	Xây dựng công trình nhà lớp học 3 tầng 15 phòng học trường THCS xã Cẩm xá	19.578		19.578	5.528	-	5.528			3.000			3.000	19.578	-	19.578	5.528	-	5.528	3.000	2.528	
2.13	XD nhà HC một cửa liên thông và các phòng làm việc	22.066		22.066	13.113	-	13.113			3.354			3.354	22.066	-	22.066	13.113	-	13.113	3.354	9.759	
2.14	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Cẩm xá đoạn từ kênh đồng đặc (nhà ông Hàm cầm quan đến nhà ông Hàn thôn Cẩm sơn)	1.847	900	947	939	-	939							1.847	900	947	939	-	939	-	939	
2.15	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn cẩm sơn và tiền xá 1 xã Cẩm xá	2.532	900	1.632	1.621	-	1.621							2.532	900	1.632	1.621	-	1.621	-	1.621	
2.16	Cải tạo, chỉnh trang hồ thôn bụi, xã Cẩm Xá	7.268	3.280	3.988	2.696		2.696							7.268	3.280	3.988	2.696	-	2.696	-	2.696	
2.17	Trụ sở làm việc công an xã Cẩm xá	14.227	6.000	8.227	6.824		6.824							14.227	6.000	8.227	6.824	-	6.824	-	6.824	
2.18	Cải tạo, nâng cấp đường và rãnh thoát nước từ nhà ông xây đến nhà bà Hương, bà Oanh thôn CQ	1.550		1.550	1.456	-	1.456							1.550	-	1.550	1.456	-	1.456	-	1.456	
2.19	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Cẩm Xá (tuyến 1 từ cầu mương đến cầu sông, tuyến 2 từ nhà văn hóa thôn Tiên Xá 1 đến đường trục xã)	20.700	18.000	2.700	19.200	18.000	1.200							20.700	18.000	2.700	19.200	18.000	1.200	-	1.200	
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI	295.500	276.000	19.500	19.500	-	19.500	-	7.025	-	-	50.000	7.025	288.475	276.000	12.475	62.475	-	62.475	-	62.475	
I	Lĩnh vực giao thông - Thủy lợi	295.500	276.000	19.500	19.500	-	19.500	-	7.025	-	-	50.000	7.025	288.475	276.000	12.475	62.475	-	62.475	-	62.475	
1.1	Cải tạo, chỉnh trang hồ trung tâm và các tuyến đường TDP An Tháp, phường Nhân Hòa	19.500		19.500	19.500	-	19.500		7.025				7.025	12.475		12.475	12.475	-	12.475		12.475	
1.2	Xây dựng đường và kè trung thủy nông Nhân Hòa, kênh trạm bơm Phú Hữu từ tổ dân phố Lỗ Xá (phường Nhân Hòa) đến trục quy hoạch Bắc Nam (xã Cẩm Xá), thị xã Mỹ Hào	276.000	276.000									50.000		276.000	276.000	-	50.000	-	50.000		50.000	
B	DỰ KIẾN DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2026	767.268	-	767.268	756.268	-	756.268	199.550	132.860	10.050	-	167.075	173.586	833.958	-	833.958	759.807	-	759.807	10.050	749.757	
I	DỰ KIẾN KINH PHÍ CẤP GCNQSD ĐẤT (10%)	70.000		70.000	70.000		70.000							70.000	-	70.000	70.000	-	70.000	-	70.000	
II'	NGANH, LĨNH VỰC HẠ TANG KỸ THUẬT	3.500	-	3.500	3.500	-	3.500	-	-	-			-	3.500	-	3.500	3.500	-	3.500	-	3.500	

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn 2026			Điều chỉnh TMDT		Điều chỉnh KHV				Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh			Kế hoạch vốn 2026 sau điều chỉnh					Ghi chú
		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	NS phường	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	NS tỉnh hỗ trợ		NS phường		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	Ngân sách phường			
										Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm						Cộng	Nguồn ns tỉnh hỗ trợ	Nguồn SD đất	
1	Xây dựng kè ao Đình Tròn thôn Cẩm Quan xã Cẩm Xá	3.500		3.500	3.500		3.500							3.500		3.500	3.500	-	3.500		3.500	
II	QUY HOẠCH	8.000	-	8.000	8.000	-	8.000	-	8.000	-			8.000	-	-	-	-	-	-		-	
1	Khảo sát, lập quy hoạch tổng mặt bằng, cắm mốc quản lý khu vực đất công trên địa bàn phường	8.000		8.000	8.000		8.000		8.000				8.000	-		-	-	-	-		-	
III	NGÀNH, LĨNH VỰC GIAO THÔNG - THỦY LỢI	568.888	-	568.888	557.888	-	557.888	35.900	124.860	8.100	-	27.800	165.587	479.928	-	479.928	428.202	-	428.202	8.100	420.102	
1	Cải tạo, nâng cấp đường Vương Đình Cung đoạn từ ĐT.380 đến đường trục Kinh tế Bắc Nam	81.405		81.405	81.405		81.405						30.000	81.405		81.405	51.405	-	51.405		51.405	
2	Cải tạo, chỉnh trang tuyến đường Đỗ Thế Diên, đoạn từ ĐT.380 đến hết trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên	19.900		19.900	19.900		19.900							19.900		19.900	19.900	-	19.900		19.900	
3	Xây dựng đường gom, vỉa hè tuyến đường ĐT.380 đoạn từ tổ dân phố Yên Tập đến hết địa phận phường Mỹ Hào	56.000		56.000	45.000		45.000						10.727	56.000		56.000	34.274	-	34.274		34.274	
4	Xây dựng công trình biểu tượng cửa ngõ Mỹ Hào	9.500		9.500	9.500		9.500							9.500		9.500	9.500	-	9.500		9.500	
5	Cải tạo, nâng cấp đường Dương Phúc Tư (DH.33 cũ) đoạn từ sông Bần Vũ Xá đến tổ dân phố Nghĩa Trang	40.000		40.000	40.000		40.000							40.000		40.000	40.000	-	40.000		40.000	
6	GPMB một số dự án, công trình trên địa bàn	179.583		179.583	179.583		179.583		124.860				124.860	54.723		54.723	54.723	-	54.723		54.723	
7	Cải tạo, chỉnh trang một số ao hồ; công viên; bãi đỗ xe trên địa bàn	30.000		30.000	30.000		30.000							30.000		30.000	30.000	-	30.000		30.000	
8	Nạo vét, xây tường rào quản lý một số ao hồ trên địa bàn phường	10.000		10.000	10.000		10.000							10.000		10.000	10.000	-	10.000		10.000	
9	Cải tạo hệ thống thoát nước một số tổ dân phố phường Mỹ Hào	4.500		4.500	4.500		4.500							4.500		4.500	4.500	-	4.500		4.500	
10	Xây dựng khu vực đất công: Hồ nước, công viên, bãi đỗ xe	50.000		50.000	50.000		50.000							50.000	-	50.000	50.000	-	50.000		50.000	
11	Xây dựng đèn tín hiệu, nâng cao năng lực ATGT trên địa bàn phường	3.500		3.500	3.500		3.500							3.500	-	3.500	3.500	-	3.500		3.500	
12	Cải tạo nâng cấp các tuyến đường một số tổ dân phố trên địa bàn	10.000		10.000	10.000		10.000							10.000	-	10.000	10.000	-	10.000		10.000	
13	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Yên Tập đoạn nhà ông Pháo đến nhà ông Thường	15.000		15.000	15.000		15.000							15.000	-	15.000	15.000	-	15.000		15.000	
14	Cải tạo hệ thống thoát nước khu dân cư tổ dân phố Bùi, Dấu	3.000		3.000	3.000		3.000							3.000	-	3.000	3.000	-	3.000		3.000	

Đơn vị: triệu đồng

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn 2026			Điều chỉnh TMDT		Điều chỉnh KHV				Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh			Kế hoạch vốn 2026 sau điều chỉnh					Ghi chú
		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	NS phường	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	NS tỉnh hỗ trợ		NS phường		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	Ngân sách phường			
										Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm						Cộng	Nguồn ns tỉnh hỗ trợ	Nguồn SD đất	
15	Cải tạo hệ thống thoát nước khu dân cư tổ dân phố Cẩm Quan; Cẩm sơn	4.500		4.500	4.500		4.500							4.500	-	4.500	4.500	-	4.500		4.500	
16	Cải tạo hệ thống thoát nước khu dân cư tổ dân phố Yên Xá, Kim Huy	2.400		2.400	2.400		2.400							2.400	-	2.400	2.400	-	2.400		2.400	
17	Cải tạo hệ thống thoát nước tổ dân phố Tiên Xá 1, Tiên Xá 2, Tiên Xá 3	3.500		3.500	3.500		3.500							3.500	-	3.500	3.500	-	3.500		3.500	
18	Cải tạo hệ thống thoát nước tổ dân phố Nghĩa Trang, Ngọc Tri	3.500		3.500	3.500		3.500							3.500	-	3.500	3.500	-	3.500		3.500	
19	Xây dựng tuyến đường trong khu đô thị Phố Mới	25.000		25.000	25.000		25.000							25.000	-	25.000	25.000	-	25.000		25.000	
20	Cải tạo nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Yên Tập đoạn từ ĐT.380 kết nối đường phía Bắc Trận địa Tên lửa	15.000		15.000	15.000		15.000							15.000	-	15.000	15.000	-	15.000		15.000	
21	Cải tạo nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Yên Tập, phường Nhân Hoà đoạn từ nhà ông Bẩy đến nhà bà Sáu	2.600		2.600	2.600		2.600							2.600	-	2.600	2.600	-	2.600		2.600	
7	Xây dựng công thoát nước và đường gom trục Kinh tế Bắc Nam giáp khu nhà ở Nhân Hòa							20.000				20.000		20.000		20.000	20.000	-	20.000		20.000	
8	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông khu an cư và đường nội đồng khu đồng Cửa TDP Cẩm Sơn, phường Mỹ Hào							1.250		900		350		1.250		1.250	1.250		1.250	900	350	
9	và đường nội đồng khu đồng Cà TDP Cẩm Sơn, phường Mỹ Hào							2.000		900		1.100		2.000		2.000	2.000		2.000	900	1.100	
10	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông khu an cư và nội đồng khu vực đồng Cộc TDP Cẩm Sơn, phường Mỹ Hào							1.300		900		400		1.300		1.300	1.300		1.300	900	400	
13	Cải tạo, sửa chữa đường trục Xóm Trại tổ dân phố Cẩm Quan, phường Mỹ Hào							2.000		900		1.100		2.000		2.000	2.000		2.000	900	1.100	
14	Cải tạo, sửa chữa đường giao thông từ nhà ông Cát đến nhà ông Trại tổ dân phố Cẩm Quan, phường Mỹ Hào							2.400		900		1.500		2.400		2.400	2.400		2.400	900	1.500	
15	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường phía Đông xóm 3 tổ dân phố Nghĩa Trang, phường Mỹ Hào							1.500		900		600		1.500		1.500	1.500		1.500	900	600	
16	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Xóm 4 tổ dân phố Nghĩa Trang, phường Mỹ Hào							2.200		900		1.300		2.200		2.200	2.200		2.200	900	1.300	
17	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường khu cửa Đình, tổ dân phố Nghĩa Trang, phường Mỹ Hào							2.200		900		1.300		2.200		2.200	2.200		2.200	900	1.300	
18	Cải tạo, nâng cấp mương tiêu thoát nước từ trạm bơm Tiên Xá 1 đến kênh C9, phường Mỹ Hào							1.050		900		150		1.050		1.050	1.050		1.050	900	150	
IV	LĨNH VỰC XÂY DỰNG DÂN DỤNG	116.880	-	116.880	116.880	-	116.880	3.000	-	-	-	3.000	-	119.880	-	119.880	119.880	-	119.880	-	119.880	
1	Cải tạo trụ sở Công an phường	5.000		5.000	5.000		5.000	3.000				3.000		8.000		8.000	8.000	-	8.000		8.000	
2	Lắp đặt bổ sung Camera trên địa bàn	1.500		1.500	1.500		1.500							1.500	-	1.500	1.500	-	1.500		1.500	
3	Cải tạo Trung tâm dịch vụ tổng hợp phường	18.000		18.000	18.000		18.000							18.000	-	18.000	18.000	-	18.000		18.000	

STT	Dự án	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn 2026			Điều chỉnh TMDT		Điều chỉnh KHV				Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh			Kế hoạch vốn 2026 sau điều chỉnh					Ghi chú
		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	NS phường	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	NS tỉnh hỗ trợ		NS phường		Số tiền	NS tỉnh	NS phường	Tổng số	NS tỉnh	Ngân sách phường			
										Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm						Cộng	Nguồn ns tỉnh hỗ trợ	Nguồn SD đất	
4	Cải tạo một số nhà văn hóa trên địa bàn phường	4.400		4.400	4.400		4.400							4.400	-	4.400	4.400	-	4.400		4.400	
5	Trường mầm non phường Bản Yên Nhân (điểm trường Phố Nối)	33.700		33.700	33.700	-	33.700							33.700	-	33.700	33.700	-	33.700		33.700	
6	Nhà lớp học kết hợp một số phòng chức năng Trường tiểu học Nhân Hoà	14.980		14.980	14.980	-	14.980							14.980	-	14.980	14.980	-	14.980		14.980	
7	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học kết hợp một số phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Nhân Hoà	19.800		19.800	19.800	-	19.800							19.800	-	19.800	19.800	-	19.800		19.800	
8	Xây dựng một số hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Nhân Hòa	19.500		19.500	19.500	-	19.500							19.500	-	19.500	19.500	-	19.500		19.500	
V	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	-	-	-	-	-	-	88.150	-	1.950	-	63.775	-	88.150	-	88.150	65.725	-	65.725	1.950	63.775	
1	Xây dựng Nhà lớp học, nhà đa năng và công trình phụ trợ trường THCS trọng điểm Lê Hữu Trác							45.500				35.000		45.500		45.500	35.000	-	35.000		35.000	
2	Xây dựng khối hiệu bộ, nhà đa năng, nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Cẩm Xá							40.000				28.075		40.000		40.000	28.075	-	28.075		28.075	
11	Sửa chữa cửa và cải tạo sân chơi đẳng sau trường Tiểu học Cẩm Xá, phường Mỹ Hào							1.300		1.000		300		1.300		1.300	1.300		1.300	1.000	300	
12	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục phụ trợ nhà hiệu bộ trường THCS Cẩm Xá, phường Mỹ Hào							1.350		950		400		1.350		1.350	1.350		1.350	950	400	
VI	LĨNH VỰC Y TẾ - VĂN HÓA XÃ HỘI	-	-	-	-	-	-	52.500	-	-	-	52.500	-	52.500	-	52.500	52.500	-	52.500	-	52.500	
4	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế Bản Yên Nhân							6.500				6.500		6.500		6.500	6.500	-	6.500		6.500	
5	Trùng tu, tôn tạo Đình tổ dân phố Lỗ Xá							36.000				36.000		36.000		36.000	36.000	-	36.000		36.000	
6	Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích Đình Bản							10.000				10.000		10.000		10.000	10.000	-	10.000		10.000	
VII	LĨNH VỰC CHUYÊN ĐỔI SỐ	-	-	-	-	-	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000		20.000	20.000	-	20.000		20.000	